

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T T
TỈNH L A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2021

“V/v tranh chấp ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T -TỈNH L A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn D

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị N.

2/ Ông Nguyễn Vĩnh L.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly, thư ký Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh L A.

Ngày 05 tháng 02 N 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 06-01-2021 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 N 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị H, sinh N 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Huỳnh Th, xã Hậu Thạnh Đ, huyện T T, tỉnh L A.

2. ***Bị đơn:*** Ông Ngô Văn Hg, sinh N: 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Huỳnh Th, xã Hậu Thạnh Đ, huyện T T, tỉnh L A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 24 tháng 11 N 2020, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Tôi và ông Ngô Văn Hg kết hôn vào ngày 18/05/1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Thạnh Đ, huyện T T, tỉnh L A. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại ấp Huỳnh Th, xã Hậu Thạnh Đ, huyện T T, tỉnh L A.

Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, nhưng từ N 2007 cho đến nay vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa H nhau trong cuộc sống và thường hay xảy ra tranh chấp, ông Hg có lần còn ra tay đánh tôi gây tHg tích. Nhưng vì tHg con nên tôi cố gắng nhẫn nhịn cho đến nay. Hiện nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hòa H, không thể duy trì được nữa.

Về tình cảm: Tôi yêu cầu được ly hôn với Ngô Văn Hg.

Về con chung: Có hai người con chung tên Ngô Dương C, sinh ngày 20 tháng 06 N 1992; Ngô Dương L, sinh ngày 21 tháng 05 N 1998 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Văn Hg trình bày: Tôi và bà H cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh Đ, huyện T T, tỉnh L A vào ngày 18/05/1998. Thời gian đầu sống với nhau có hạnh phúc đến N 2012 hai bên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bà H bỏ bê nhà cửa không lo nên hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cũng xảy ra đánh nhau giữa hai vợ chồng đến tháng 8 N 2020 hai bên không còn quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau nữa.

Hiện nay bà H yêu cầu được ly hôn, do tôi còn tHg vợ nên xin đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Có hai người con chung tên Ngô Dương C, sinh ngày 20 tháng 06 N 1992; Ngô Dương L, sinh 21-05-1998 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn Hg. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh L A.

Tại phiên Tòa hôm nay bà Lê Thị H không thay đổi yêu cầu, không rút đơn khởi kiện. Bà H tiếp tục yêu cầu xin được ly hôn với ông Hg.

Về con chung: Hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Về nội dung vụ kiện:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Ngô Văn Hg kết hôn vào ngày 18/05/1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Thạnh Đ, huyện T T, tỉnh L A. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại ấp Huỳnh Th, xã Hậu Thạnh Đ, huyện

T T, tỉnh L A. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng từ N 2007 cho đến nay vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn.

Bà H cho rằng do tính tình không H nên không thể hòa H nhau trong cuộc sống, hai bên thường xuyên xảy ra tranh chấp, ông Hg có lần còn ra tay đánh bà H gây tHg tích. Nhưng vì tHg con nên bà H cố gắng nhẫn nhịn cho đến nay. Hiện nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hòa H và không thể duy trì được nữa, nên bà H yêu cầu được ly hôn.

Ông Ngô Văn Hg thì cho rằng: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bà H bỏ bê nhà cửa không lo nên hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có đánh nhau qua lại giữa hai vợ chồng đến tháng 8 N 2020 hai bên không còn quan hệ vợ chồng với nhau nữa.

Tại phiên Tòa hôm nay bà H trình bày ông Hg thường xuyên đánh bà vô cớ rất nhiều lần, gây tHg tích cho bà phải nhờ đến chính quyền địa pHg can thiệp chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, việc này lặp đi, lặp lại nhiều lần. Lời trình bày này của bà H cũng được ông Hg thừa nhận.

Hiện nay bà H xét thấy tình cảm giữa bà và ông Hg không còn nữa hai bên đã ly thân với nhau khá lâu nên bà H tiếp tục yêu cầu được ly hôn với ông Hg. Xét thấy tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Lê Thị H với ông Ngô Văn Hg.

Ông Ngô Văn Hg xác định còn tHg vợ nên không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị H. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Hg không đưa ra được giải pháp để thuyết phục để bà H tự nguyện trở về tiếp tục chung sống với ông, ông cũng không tự nguyện nhìn nhận sai trái của mình, điều này cho thấy nguyện vọng xin được đoàn tụ của ông Hg là không H lý nên không được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có hai người con chung tên Ngô Dương C, sinh ngày 20 tháng 06 N 1992; Ngô Dương L, sinh ngày 21 tháng 05 N 1998 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Lê Thị H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình số 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Ngô Văn Hg.

Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Ngô Văn Hg.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0001346 ngày 06 tháng 01 N 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T T, tỉnh L A thành án phí.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L A;
- VKSND huyện T T;
- THADS huyện T T;
- UBND xã Hậu Thạnh Đ, huyện T T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn D

